

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST.

Ngày: 23/9/2022.

“V/v Tranh chấp hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhan.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hà Thị Thúy, bà Ngô Thị Thời.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 38/2022/TLST-DS ngày 13/6/2022 về tranh chấp “Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2022/QĐ-HPT ngày 16/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng AB.**

Địa chỉ trụ sở: Số 198 C, phường C1, quận C2, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Cao D1 - Giám đốc AB chi nhánh H (Theo giấy ủy quyền số 744 ngày 18/10/2021). Địa chỉ: Số 66 E, phường E1, E2, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông D1: Bà Nguyễn Thị Minh D2 – Trưởng phòng giao dịch D3; Địa chỉ: Số 89 D4, phường E2, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc K**, sinh năm 1984; ĐKKHKT và cư trú: Khu F, thị trấn F1, huyện F2, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày: Ngày 21/4/2014, anh K đã đề nghị Ngân hàng mở hai loại thẻ gồm: Thẻ Vietcombank American Express với hạn mức 30.000.000đ và Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Visa với hạn mức 30.000.000đ. Sau khi kiểm tra thông tin đối chiếu với quy định của Ngân hàng, Ngân hàng đã đồng ý phát hành hai thẻ tín dụng quốc tế trên cho anh K. Quá trình thực hiện hợp đồng, đối với thẻ Vietcombank American Express, anh K đã thực hiện đúng và đã trả xong nên AB không yêu cầu xem xét giải quyết.

Anh K sử dụng thẻ vào mục đích tiêu dùng phục vụ đời sống cá nhân. Tại thời điểm ký hợp đồng, không có thông tin về việc kết hôn của anh K. Khoản cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng của anh K không có tài sản bảo đảm. Các khoản lãi, phí theo hợp đồng phát hành thẻ tín dụng được quy định tại bộ Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng, chi tiết các khoản phí, lãi được quy định tại biểu phí công bố trên website Vietcombank.com.vn; Các khoản lãi, phí bao gồm: Lãi thẻ tín dụng, phí vượt hạn mức tín dụng và phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu, phí thường niên. Tiền lãi thẻ tín dụng theo quy định là 18% sẽ bằng dư nợ gốc tính lãi x 18%/360 ngày (đối với thời điểm trước ngày 01/01/2018) và /365 ngày (đối với thời điểm từ ngày 01/01/2018); Phí chậm thanh toán bằng 3% số tiền thanh toán tối thiểu. Phí vượt hạn mức được tính bằng số tiền vượt hạn mức x 15%/365 ngày x số ngày vượt hạn mức.

Theo quy định của Ngân hàng nếu trong thời gian anh K sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, đến kỳ sao kê hàng tháng, ngân hàng sẽ thống kê toàn bộ các khoản chi tiêu của anh K, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày sao kê, anh K trả đủ số tiền gốc đã sử dụng, Ngân hàng sẽ không tính lãi, phí của số tiền anh K đã sử dụng. Chỉ từ khi đến hạn thanh toán anh K không trả đủ số tiền thanh toán tối thiểu anh K mới phải chịu khoản tiền lãi, phí theo quy định của Ngân hàng (trừ phí thường niên). Quá trình sử dụng thẻ từ ngày 15/12/2019, anh K không thực hiện được nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Trong thời gian sử dụng thẻ, anh K đã trả tổng số tiền gốc, lãi, phí là: 191.275.123 đồng. Tổng số tiền gốc, lãi, phí còn phải trả tính đến ngày 22/9/2022 là: 117.459.484 đồng (trong đó gốc là 29.871.870đ, lãi là 15.713.776đ, phí chậm thanh toán là 58.320.816đ; phí vượt hạn mức là: 13.503.023đ; Phí thường niên là: 49.999đ). AB giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh K hoàn trả toàn bộ số tiền trên cho AB và khoản lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận cho đến khi anh K thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ với AB.

Tại biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị, bị đơn anh Nguyễn Ngọc K trình bày: Do có nhu cầu chi tiêu cá nhân nên ngày 21/4/2014, anh đã đến AB - chi nhánh H vay tiền dưới hình thức yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế. Anh đã đề nghị mở hai loại thẻ gồm: Thẻ Vietcombank American Express với hạn mức 30.000.000đ và Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Visa với hạn mức 30.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, từ khi mở thẻ tín dụng Thẻ Vietcombank American Express với hạn mức 30.000.000đ, anh đã thực hiện đúng và đã trả toán với Ngân hàng nên không còn liên quan đến thẻ này.

Về quy trình mở thẻ, theo quy định anh phải làm đơn yêu cầu phát hành thẻ theo mẫu của Ngân hàng, đồng thời ngân hàng đính kèm một bảng các điều khoản

và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, anh tìm hiểu kỹ, hiểu các nội dung quy định sau đó đồng ý vay theo hình thức này, anh điền thông tin trong phiếu yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế và ký xác nhận ngày 21/4/2014, sau đó giao nộp cho Ngân hàng. Ngày 24/4/2014, Ngân hàng phê duyệt chấp nhận yêu cầu của anh và phát hành cho anh thẻ tín dụng quốc tế. Anh xác định chữ ký và chữ viết trong yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế là của anh. Từ khi phát hành thẻ, quá trình sử dụng thẻ, đến trước ngày 20/10/2019, anh thực hiện cơ bản đúng cam kết. Đối với loại thẻ này, anh được sử dụng số tiền hạn mức 30.000.000đ trong thời hạn khoảng 45 ngày mà không phải chịu lãi chỉ phải chịu một số loại phí theo quy định như phí thường niên, phí rút tiền mặt tại ATM, còn nếu sử dụng thanh toán tự động thì không mất phí. Trường hợp anh vi phạm cam kết anh phải chịu lãi suất thẻ tín dụng theo mức lãi suất quy định của Ngân hàng là 18%. Ngoài ra còn phải chịu khoản tiền phí theo quy định của Ngân hàng.

Việc ký kết văn bản trên với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình sử dụng do bị tai nạn và gặp khó khăn về kinh tế nên từ ngày 05/12/2019, anh không thực hiện được nghĩa vụ theo thỏa thuận. Nay Ngân hàng khởi kiện buộc anh phải trả số tiền nợ và phải tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành thẻ và sử dụng thẻ quốc tế đã ký kết cho đến ngày trả hết nợ cho AB, anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định số tiền này đã vay trước khi kết hôn, mục đích anh sử dụng để chi tiêu cá nhân. Anh đề nghị Ngân hàng xem xét giảm lãi cho anh. Anh xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng sẽ xem xét giảm một phần lãi, phí trên cơ sở khả năng tài chính của Ngân hàng và các quy định liên quan. Còn tại thời điểm này anh K chưa trả được nợ gốc nên Ngân hàng không đồng ý giảm lãi cho anh K. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 116, Điều 117, Điều 429 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh Nguyễn Ngọc K phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi và 3% dư nợ gốc + lãi chưa thanh toán, phí thường niên; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của AB về việc đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Ngọc K phải trả Ngân hàng khoản tiền phí vượt hạn mức tín dụng. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Anh K đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, bắt đầu vi phạm nghĩa vụ từ tháng 12/2019. Ngân hàng cũng tạo điều kiện về thời gian để anh K trả nợ nhưng anh K vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do vậy, ngày 15/11/2021, AB khởi kiện anh K là đúng quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 429 Bộ luật dân sự.

1.2 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Anh K có địa chỉ tại Kện F1, tỉnh Hải Dương nhưng hợp đồng được thực hiện tại E2. Hai bên đã thỏa thuận tranh chấp phát sinh thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Ngân hàng có (đặt trụ sở) Chi nhánh giải quyết. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh K vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh K là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của AB:

2.1 Căn cứ đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 21/4/2014 của anh Nguyễn Ngọc K yêu cầu Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng quốc tế cho cá nhân anh Nguyễn Ngọc K với 02 loại thẻ: Vietcombank American Express với hạn mức 30.000.000đ và Thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Visa với hạn mức 30.000.000đ. Ngân hàng chấp thuận yêu cầu của anh K và phát hành tài khoản thẻ tín dụng quốc tế nêu trên theo các thông tin anh K yêu cầu. Quá trình thực hiện hợp đồng, đối với thẻ Vietcombank American Express, anh K đã thực hiện đúng và đã trả xong nên AB không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đơn yêu cầu mở thẻ tín dụng quốc tế ngày 21/4/2014 được giao kết giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Ngọc K đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, phù hợp với quy định tại Điều 121, 122, 124 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, đơn yêu cầu mở thẻ tín dụng quốc tế có hiệu lực pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, nguyên đơn và bị đơn phải có phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

2.2 Căn cứ pháp lý xem xét về khoản tiền lãi và các loại phí:

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “ 1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: “ 1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất K động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng”.

Căn cứ Các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế quy định tại điểm o khoản 2.2 Điều 2 về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “Thanh toán đầy đủ đúng hạn cho Ngân hàng các giao dịch chi tiêu, phí và lãi phát sinh theo qui định của Ngân hàng về việc sử dụng thẻ.” và tại khoản 4.1, khoản 4.2, khoản 4.5 và 4.6 Điều 4 quy định về thanh toán và trả nợ như sau: “Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch ...; Chủ thẻ phải trả cho Ngân hàng các phí ứng tiền mặt, phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức và các loại phí, lãi khác theo biểu phí do Ngân hàng quy định; Hàng tháng vào ngày sao kê, Ngân hàng sẽ liệt kê tất cả các giao dịch của Chủ thẻ phát sinh trong kỳ; Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng tất cả các khoản nợ phát sinh như nội dung ghi trên sao kê quy định.”

Căn cứ tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định như sau: “Tổ chức phát hành thẻ, Tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ” và quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ.”

Căn cứ Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng áp dụng cho thẻ Vietcombank American Express và thẻ Vietcombank Visa được Ngân hàng công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và bảng mức lãi suất áp dụng cho thẻ tín dụng Vietcombank.

Từ các căn cứ viện dẫn nêu trên, không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn và quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương về khoản tiền lãi và các loại phí đối với thẻ tín dụng trên.

Đối với việc sử dụng thẻ Vietcombank Visa (V03401252), đến ngày 15/12/2019, anh K không thực hiện được nghĩa vụ đến hạn theo hợp đồng phát hành thẻ đã ký kết. Căn cứ các sao kê tài khoản thẻ tín dụng Vietcombank Visa từ ngày phát hành thẻ cho đến ngày 22/9/2022 và bảng chi tiết sử dụng và tính lãi, phí đến ngày 22/9/2022 của Ngân hàng, thẻ hiện anh K sử dụng tài khoản thẻ tín dụng được cấp mức tín dụng là 30.000.000 đồng, mã tài khoản V03401252 và đối chiếu với những điều khoản thỏa thuận của hợp đồng và quy định pháp luật đã dẫn chiếu ở

phần trên thì anh K còn nợ số tiền mà Ngân hàng yêu cầu anh K trả là 117.459.484 đồng (trong đó gốc là 29.871.870đ, lãi là 15.713.776đ, phí chậm thanh toán là 58.320.816đ; phí vượt hạn mức là: 13.503.023đ; Phí thường niên là: 49.999đ) và tiếp tục chịu khoản lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế cho đến khi anh K thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ với AB là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của AB được chấp nhận nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, anh Nguyễn Ngọc K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 121, 122, 124, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 và khoản 2, khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Buộc anh Nguyễn Ngọc K phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Visa (V03401252) ngày 21/4/2014, các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2022 là: **117.459.484 đồng (trong đó gốc là 29.871.870đ, lãi là 15.713.776đ, phí chậm thanh toán là 58.320.816đ; phí vượt hạn mức là: 13.503.023đ; Phí thường niên là: 49.999đ).** Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Ngọc K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí thẻ tín dụng các bên thỏa thuận theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế, các điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký kết.

2. Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Ngọc K phải chịu 5.872.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.838.000đ đồng (ông Phạm Thanh S nộp thay), được thể hiện tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0000206 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan